Ngày soạn: 23.12.2024 -> 29.12.2024

Ngày dạy: 30.12.2024 -> 05.01.2025

 **TIẾT 34**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1**

**Thời lượng : 1 tiết (34)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Khái quát và hệ thống hóa kiến thức được học ở :

+ Chương VII. Sinh học cơ thể người :

. Khái quát về cơ thể người

. Hệ vận động ở người

. Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người

. Máu và hệ tuần hòa của cơ thể người

. Hệ hô hấp ở người

. Hệ bài tiết ở người

. Điều hòa môi trường trong của cơ thể người

. Hệ thần kinh và các giác quan ở người

. Hệ nội tiết ở người

. Da và điều hòa thân nhiệt ở người

. Sinh sản ở người

+ Chương VIII: Sinh vật và môi trường :

. Môi trường và các nhân tố sinh thái

. Quần thể sinh vật

**2. Năng lực**

\* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực ôn tập, xem lại những kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với các bạn về những nội dung câu hỏi GV đưa ra.

\* Năng lực riêng biệt

- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các câu hỏi.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Nghiên cứu sgk hệ thống hóa kiến thức, tích cực trả lời câu hỏi

- Trách nhiệm: Có ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập Gv giao.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Đề cương ôn tập đã chuẩn bị trước

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HKI**

 **MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8 (MẢNG SINH**)

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Chất khí nào thường gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trở trao đổi khí và có thể gây tử vong ở người?

A. N2 B. H2 C. O2       D. NO2

**Câu 2**: Biểu hiện của tật cận thị là

A. hai mắt nằm quá gần nhau

B. mắt chỉ có khả năng nhìn các vật ở gần

C. mắt không có khả năng nhìn các vật ở gần

D. mắt chỉ có khả năng nhìn các vật ở xa

**Câu 3**: Môi trường trong của cơ thể người bao gồm :

A. máu và nước mô B. nước mô và bạch huyết

C. máu và bạch huyết D. máu, nước mô và bạch huyết

**Câu 4**: Bệnh nào sau đây không lây truyền qua đường sinh dục?

A. Giang mai B. Hắc lào C. Bệnh lậu D. HIV/AIDS

**Câu 5**: Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?

A. tuyến yên B. tuyến sinh dục C. tuyến giáp D. tuyến tụy

**Câu 6**: Chọn phát biểu **đúng** về nhân tố sinh thái :

A. Nhân tố sinh thái gồm nhân tố vô sinh và nhân tố hữu sinh

B. Nhân tố vô sinh là các yếu tố sống của môi trường

C. Nhân tố sinh thái có ảnh hưởng gián tiếp đến sinh vật

D. Nhân tố sinh thái có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh vật

**Câu 7**: Cơ quan sinh dục nữ gồm :

A. buồng trứng, tử cung, âm đạo, bóng đái

B. buồng trứng, ống dẫn trứng, ống dẫn nước tiểu, bóng đái

C. buồng trứng, ống dẫn trứng, tử cung, âm đạo

D. buồng trứng, ống dẫn trứng, tử cung, bóng đái

**Câu 8**: Các đặc trưng cơ bản của quần thể là

A. kích thước, mật độ cá thể, tỉ lệ giới tính

B. kích thước, mật độ cá thể, nhóm tuổi

C. kích thước, mật độ cá thể, tỉ lệ giới tính, nhóm tuổi

D. kích thước, mật độ cá thể, số lượng loài, nhóm tuổi

**Câu 9**: Bộ phận nào sau đây **không** thuộc cơ quan sinh dục nam?

A. Buồng trứng B. Tuyến tiền liệt C. Tinh hoàn D. Bìu

**Câu 10**: Biện pháp tránh thai nào giúp ngăn cản quá trình rụng trứng?

A. Sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp B. Sử dụng bao cao su

C. Sử dụng vòng tránh thai D. Sử dụng thuốc tránh thai hằng ngày

**Câu 11**: Cấu tạo của da gồm :

A. Lớp sừng và lớp biểu bì B. Lớp biểu bì, lớp bì, lớp mỡ dưới da

C. Lớp biểu bì và lớp mỡ dưới da D. Lớp bì và lớp biểu bì

**Câu 12:** Tuyến nào sau đây được gọi là tuyến pha?

A. Tuyến tụy B. Tuyến yên C. Tuyến giáp D. Tuyến trên thận

**Câu 13**: Bộ phận nào trong cầu mắt có thể tích lớn nhất?

A. Đồng tử B. Thể thủy tinh C. Dịch thủy tinh D. Thủy dịch

**Câu 14**: Màng nhĩ là bộ phận nằm ở phần nào của tai?

A. Tai ngoài B. Tai giữa C. Tai trong D. Tai giữa và tai trong

**Câu 15**: Một làn da sạch sẽ có khả năng tiêu diệt bao nhiêu phần tram số vi khuẩn bám trên da?

A. 85% B. 99% C. 35% D. 40%

**Câu 16**: Thân nhiệt là gì?

A. là nhiệt độ của cơ thể B. là quá trình tỏa nhiệt của cơ thể

C. là quá trình thu nhiệt của cơ thể D. là quá trình trao đổi nhiệt của cơ thể

**Câu 17**: Lớp mỡ dưới da có vai trò gì?

A. cách nhiệt B. dự trữ đường

C. vận chuyển chất dinh dưỡng D. thu nhận kích thích từ môi trường

**Câu 18:** Thyroxine là hormone do tuyến nào tiết ra?

 A. Tuyến yên B. Tuyến sinh dục C. Tuyến giáp D. Tuyến tụy

**Câu 19**: Sản phẩm tiết của tuyến nội tiết có tên gọi là gì?

 A. Enzyme B. Kháng nguyên C. Kháng thể D. Hormone

**Câu 20**: Iodine là thành phần không thể thiếu trong hormone nào dưới đây?

A. Thyroxine B. Oxytocin C. Calcitonin D. Glucagon

**Câu 21**: Bộ phận ngoại biên của hệ thần kinh gồm:

A. các dây thần kinh B. tủy sống và não

C. hạch thần kinh và dây thần kinh D. các hạch thần kinh

**Câu 22** : Vai trò của tiểu cầu là:

A. giúp duy trì máu ở trạng thái lỏng. B. giúp máu dễ lưu thông trong mạch

C. vận chuyển chất dinh dưỡng D. bảo vệ cơ thể qua cơ chế đông máu

**Câu 23**: Khi tâm thất trái co, máu được bơm đến bộ phận nào?

A. Tĩnh mạch phổi B. Tĩnh mạch chủ C. Động mạch chủ D. Động mạch phổi

**Câu 24:** Trong máu, các tế bào máu chiếm bao nhiêu % về thể tích?

A. 75% B. 65% C. 45% D. 55%

**Câu 25**: Loại tế bào nào có vai trò bảo vệ cơ thể thông qua cơ chế miễn dịch?

A. Bạch cầu B. Hồng cầu C. Tiểu cầu D. Bạch cầu và tiểu cầu.

**Câu 26**: Loại chất độc nào chứa nhiều trong khói thuốc lá?

A. Cocain B. Moocphin C. Nicotin D. Heroin

**Câu 27**: Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với cơ quan nào?

A. họng và phế quản B. mũi và phế quản

C. họng và thanh quản D. thanh quản và phế quản

**Câu 28**: Đối tượng nào sau đây có nhu cầu dinh dưỡng cao nhất?

A. Nhân viên văn phòng B. Phiên dịch viên

C. Vận động viên đấm bốc D. Lễ tân

**Câu 29**: Những sinh vật nào sau đây có môi trường sống là môi trường trên cạn?

A. cá sấu, thằn lằn B. thằn lằn, ếch C. ếch, giun đất D. thằn lằn, rùa núi

**Câu 30**: Xương người già khi gãy thì lâu liền hơn, vì :

A. thành phần cốt giao nhiều hơn chất khoáng B. thành phần cốt giao ít hơn chất khoáng C. chưa có thành phần chất khoáng D. chưa có thành phần cốt giao

**PHẦN II: TỰ LUẬN**

1. Trình bày một số phương pháp phòng chống nóng, lạnh cho cơ thể?

2. Nêu một số thành tựu ghép da trong y học?

3. Nêu một số bệnh về máu và tim mạch. Cách phòng tránh các bệnh đó ?

4. Em có thể vận dụng những kiến thức về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân như thế nào?

5. Nêu ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh đến đời sống sinh vật?

6. Phân biệt thụ tinh và thụ thai?

7. Trình bày một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết và đề xuất biện pháp phòng tránh các bệnh đó?

8. Nếu cấu tạo và chức năng của thính giác?

9. Nêu cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh?

10. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, biện pháp phòng tránh đối với bệnh đau mắt đỏ?

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN** | **GIÁO VIÊN BỘ MÔN** |
|  |  |
| ***Nguyễn Thị Mỹ Linh*** | ***Hà Duy Tân*** |